



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13.111.... /TM-MB-HS

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO HÀNG

Kính gửi:

Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) có nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ theo Gói mua sắm **175/CHRR/2026 - Gia hạn và bổ sung bản quyền phần mềm thiết kế Figma** theo hình thức chào hàng rộng rãi.

MB kính mời Quý Công ty tham gia hoặc giới thiệu đối tác có đủ năng lực và uy tín tham gia chào hàng cho gói mua sắm nêu trên (nếu Quý Công ty là hãng cung cấp/ nhà phân phối). Yêu cầu về năng lực của nhà cung cấp trong Hồ sơ yêu cầu và được tóm tắt tại Phụ lục 01 đính kèm.

Địa chỉ nộp HSDX:

Phòng Mua sắm - Khối Hành chính - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
Tầng 7, Số 18 Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội

Đầu mối liên hệ: Bà Tạ Phương Loan

Điện thoại: 024.62661088 – Số lẻ: 3218. Di động: 0973 408 132

Email: loantp@mbbank.com.vn

Thời gian nộp Hồ sơ đề xuất: Trước 15 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 9 năm 2026

Mọi thắc mắc trong quá trình chuẩn bị hồ sơ đề xuất xin gửi bằng văn bản tới địa chỉ nêu trên.

Ngân hàng TMCP Quân đội rất mong nhận được sự quan tâm và hợp tác của Quý Công ty.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT; P. MS: Loantp 01;

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KHỐI HÀNH CHÍNH**



NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG



PHỤ LỤC 01**TÓM TẮT YÊU CẦU TỐI THIỂU VỀ NĂNG LỰC CỦA NHÀ CUNG CẤP**

(Gói mua sắm: 175/CHRR/2026 - Gia hạn và bổ sung bản quyền phần mềm thiết kế Figma)

TT	Nội dung	Mô tả chi tiết	Yêu cầu
1	Năng lực pháp lý, bảo mật thông tin	Tuân thủ tiêu chuẩn an ninh mạng và yêu cầu về sử dụng dịch vụ CNTT của bên thứ ba theo thông tư 09/2020/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi/bổ sung/thay thế (nếu có); Quy chế an toàn thông tin và vận hành hệ thống CNTT	M
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDX.	M
3	Kết quả hoạt động tài chính	Giá trị tài sản ròng của NCC trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDX phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	M
4	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDX của NCC có giá trị tối thiểu là 1,98 tỷ VND. Trường hợp NCC có số năm thành lập ít hơn 03 năm thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà NCC thành lập.	M
5	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự	NCC đang thực hiện hoặc đã hoàn thành tối thiểu 02 hợp đồng tương tự với tư cách là NCC chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) trong thời gian từ năm 2023 trở lại đây, trong đó có tối thiểu 01 hợp đồng có giá trị $\geq 0,92$ tỷ VND và tổng giá trị các hợp đồng $\geq 1,85$ tỷ VND (Tài liệu chứng minh: Bản sao hợp đồng và/hoặc biên bản nghiệm thu/thanh lý và/hoặc hóa đơn bán hàng/hóa đơn điện tử và/hoặc tài liệu hợp lệ khác chứng minh NCC đã thực hiện việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ tương tự. Trường hợp tài liệu thuộc phạm vi bảo mật, NCC được phép che các thông tin bảo mật, nhưng phải bảo đảm cung cấp đủ thông tin cần thiết để Bên A đánh giá tính tương tự và quy mô kinh nghiệm). Hợp đồng tương tự là hợp đồng cung cấp bản quyền phần mềm/nền tảng phục vụ thiết kế giao diện, thiết kế sản phẩm số, cộng tác thiết kế và/hoặc hỗ trợ quá trình phát triển sản phẩm số.	M



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU

Gói mua sắm: 175/CHRR/2026 - Gia hạn và bổ sung bản quyền phần mềm thiết kế Figma
Bên mua sắm: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2026

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KHỐI HÀNH CHÍNH



NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG

MỤC LỤC

A.	CÁC TỪ VIẾT TẮT	1
B.	CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP	2
	Mục 1. Nội dung gói mua sắm	2
	Mục 2. Phạm vi cung cấp	2
	Mục 3. Biểu tiến độ cung cấp	2
	Mục 4. Nội dung của HSĐX	2
	Mục 5. Giá đề xuất	3
	Mục 6. Thời gian có hiệu lực của HSĐX	4
	Mục 7. Làm rõ HSYC:	4
	Mục 8. Bảo đảm tham dự gói mua sắm: Không yêu cầu.	4
	Mục 9. Chuẩn bị và nộp HSĐX	4
	Mục 10. Làm rõ HSĐX	5
	Mục 11. Đánh giá các HSĐX	5
	Mục 12. Điều kiện đối với NCC được đề nghị ký hợp đồng	6
	Mục 13. Thông báo kết quả chào hàng	6
	Mục 14. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng	6
	Mục 15. Xử lý vi phạm	6
C.	YÊU CẦU VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX	7
	1. Yêu cầu và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX	7
	2. Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:	7
	3. Các yêu cầu khác	9
	4. Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật	9
	5. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt tài chính:	12
	6. Điểm tổng hợp	12
	7. Xếp hạng NCC:	13
	8. Xác định giá chào:	13
D.	BIỂU MẪU	15
	Mẫu số 1 – Đơn đề xuất	15
	Mẫu số 2 – Giấy ủy quyền	16
	Mẫu số 3 – Thỏa thuận liên danh	17
	Mẫu số 4 – Bảng chào giá	20
	Mẫu số 5 – Bảng TBĐƯ kỹ thuật	23
	Mẫu số 6 – Hợp đồng tương tự do NCC thực hiện	24
	Mẫu số 7 – Tình hình tài chính của NCC	25
	Mẫu số 8 – Bảng nhân sự chủ chốt	26
E.	CÁC ĐIỀU KHOẢN CHÍNH TRONG HỢP ĐỒNG	27

A. CÁC TỪ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
VND	Đồng Việt Nam
USD	Đô la Mỹ
MB	Ngân hàng TMCP Quân đội
NCC	Nhà cung cấp
TVLD	Thành viên liên danh

B. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Nội dung gói mua sắm

Bên mua sắm: Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) mời nhà cung cấp tham gia chào hàng theo gói mua sắm: **175/CHRR/2026 - Gia hạn và bổ sung bản quyền phần mềm thiết kế Figma.**

Hình thức hợp đồng: Hợp đồng nguyên tắc. Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng nguyên tắc, MB sẽ ký kết các Hợp đồng dịch vụ hàng năm với NCC, căn cứ theo đơn giá đã thỏa thuận trong Hợp đồng nguyên tắc và số lượng dịch vụ/phạm vi công việc theo nhu cầu thực tế của MB từng năm.

Mục 2. Phạm vi cung cấp

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ngày kết thúc license hiện hữu	Thời hạn sử dụng	Ghi chú
1	Phần mềm Figma Enterprise Full seat – 12 tháng	License	32	08/10/2026	Full seat: 12 tháng, ưu tiên nối tiếp thời hạn license hiện hữu; trường hợp không thể kích hoạt nối tiếp do thời điểm ký Hợp đồng/bàn giao sau ngày hết hạn license hiện hữu, thời hạn sử dụng được tính từ ngày bàn giao và kích hoạt thực tế.	Gia hạn nối tiếp thời hạn license hiện hữu
2	Phần mềm Figma Enterprise Dev seat – 12 tháng	License	15		Dev Seat có cùng thời hạn sử dụng với Full Seat.	Đầu tư mới

Mục 3. Biểu tiến độ cung cấp

- Hợp đồng nguyên tắc có hiệu lực kể từ ngày ký và kéo dài trong vòng 36 tháng kể từ ngày bắt đầu kích hoạt thời gian sử dụng của năm thứ nhất.
- Thời điểm dự kiến bắt đầu sử dụng Năm thứ 01 là ngày 09/10/2026. Trường hợp thời điểm bàn giao và kích hoạt thực tế có thay đổi, thời hạn sử dụng được điều chỉnh tương ứng theo ngày bàn giao, kích hoạt thực tế, bảo đảm đủ 12 tháng cho mỗi năm sử dụng và không làm thay đổi tổng thời hạn cung cấp 03 năm.

STT	Năm	Thời hạn
1	Năm thứ 01	12 tháng kể từ ngày bàn giao và kích hoạt license
2	Năm thứ 02	12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc Năm thứ 01
3	Năm thứ 03	12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc Năm thứ 02

- Địa điểm triển khai: Hà Nội.

Mục 4. Nội dung của HSDX

1. Ngôn ngữ sử dụng:

- Các tài liệu trong HSDX cũng như tất cả các văn bản, tài liệu trao đổi giữa Bên mua sắm và các NCC liên quan đến việc đề xuất phải được trình bày bằng tiếng Việt.

- Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài đều phải có bản dịch ra tiếng Việt và NCC phải chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch này (trừ Catalogue/Specification hoặc tài liệu hướng dẫn sử dụng có thể sử dụng văn bản bằng Tiếng Anh).

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của NCC:

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc tài liệu có giá trị tương đương, được phép hoạt động trong lĩnh vực cung cấp hàng hóa/ dịch vụ tương tự gói mua sắm này;
- Đơn đề xuất theo Mẫu số 1 Phần D được người đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu (người đại diện theo pháp luật của NCC hoặc người được ủy quyền).
- Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần D (trong trường hợp ủy quyền) và Bản sao chứng thực Giấy tờ chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền.
- NCC được tham gia trong một HSDX với tư cách là NCC độc lập hoặc NCC liên danh (kèm theo thỏa thuận liên danh trong đó có phân chia công việc chi tiết của các thành viên liên danh theo Mẫu số 3 Phần D).

3. Tài liệu về tài chính, thương mại:

- Bảng chào giá - Mẫu số 4 Phần D. Nhà cung cấp phải điền đầy đủ các thông tin phù hợp vào biểu giá như đơn giá, giá trị cho từng hạng mục và tổng giá mời chào hàng. Trong mỗi biểu giá, nhà cung cấp phải ghi rõ các yếu tố cấu thành giá chào và chào giá chi tiết từng cấu phần lớn.
- Các đề xuất tài chính cho gói mua sắm: Thời gian bảo hành, điều kiện thanh toán, điều kiện giao hàng, các điều kiện tài chính khác (nếu có)

4. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của NCC:

- Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật – Mẫu số 05 Phần D, catalogue và tài liệu tham chiếu.
- Hợp đồng tương tự do NCC thực hiện – Mẫu số 06 Phần D.
- Tình hình tài chính của NCC – Mẫu số 07 Phần D.
- Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt – Mẫu số 08 Phần D.
- Giấy ủy quyền của nhà sản xuất (nếu có).

Mục 5. Giá đề xuất

1. Giá đề xuất là giá do NCC nêu trong đơn đề xuất sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá đề xuất phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói mua sắm trên cơ sở yêu cầu của HSYC. Giá đề xuất được chào bằng đồng tiền Việt Nam.
2. Trường hợp NCC có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSDX hoặc nộp riêng nhưng phải đảm bảo Đơn vị mua sắm MB (sau đây gọi tắt là Đơn vị mua sắm) nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSDX thì NCC phải thông báo cho Đơn vị mua sắm trước thời điểm hết hạn nộp HSDX hoặc phải có bảng kê thành phần HSDX trong đó có thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá đối với từng loại hàng hóa cụ thể nêu trong biểu giá chào bằng giá trị tuyệt đối. Trường hợp không nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả các loại hàng hóa nêu trong biểu giá chào.
3. Biểu giá chào phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 4 Phần D, có chữ ký của người đại diện hợp

pháp.

Mục 6. Thời gian có hiệu lực của HSDX

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 120 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX là 15 giờ 00 ngày 25 tháng 9 năm 2026

Mục 7. Làm rõ HSYC:

Trường hợp cần làm rõ HSYC, NCC phải gửi văn bản/email đề nghị làm rõ đến Đơn vị mua sắm MB không muộn hơn 03 ngày trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Đơn vị mua sắm phải có văn bản/email trả lời tất cả các yêu cầu làm rõ HSYC trước thời điểm đóng gói mua sắm tối thiểu 01 ngày cho tất cả các NCC được mời tham gia gói mua sắm này nhưng không nêu tên NCC đề nghị làm rõ.

Địa chỉ Đơn vị mua sắm MB nhận văn bản đề nghị làm rõ HSYC:

Ngân hàng TMCP Quân đội

Tầng 7, Phòng Mua sắm – Khối Hành Chính, Tòa nhà MB, 18 Lê Văn Lương, P. Yên Hòa, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 024.62661088 (Máy lẻ: 3218)

Email: loantp@mbbank.com.vn

Mục 8. Bảo đảm tham dự gói mua sắm: Không yêu cầu.

Mục 9. Chuẩn bị và nộp HSDX

1. HSDX do NCC chuẩn bị phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được. Đơn đề xuất, biểu giá chào, thư giảm giá (nếu có) và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX (nếu có) phải được đại diện hợp pháp của NCC ký và đóng dấu (nếu có). Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn đề xuất) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).
2. NCC nộp HSDX đến đơn vị mua sắm MB bằng cách gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc bằng fax nhưng phải đảm bảo đơn vị mua sắm MB nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. HSDX của NCC gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp HSDX là không hợp lệ và bị loại.
3. HSDX phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do nhà cung cấp tự thực hiện). Nhà cung cấp phải ghi rõ các thông tin trên túi đựng HSDX:

Tên NCC, địa chỉ, điện thoại, Fax của nhà cung cấp.

Tên và điện thoại của người khi cần liên lạc.

HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Gói mua sắm: “ ... ”

Địa chỉ nộp HSDX:

Phòng Mua sắm – Khối Hành chính

Tầng 7, Tòa nhà MB, 18 Lê Văn Lương, P. Yên Hòa, TP. Hà Nội.

Người nhận: Tạ Phương Loan

Điện thoại: 0973408132. Email: loantp@mbbank.com.vn

(Không được mở trước: giờ 00, ngày tháng năm 2026.)

4. NCC phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSYC như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDX trong quá trình chuyển tới bên mua sắm, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDX theo hướng dẫn tại khoản 3 mục này

Mục 10. Làm rõ HSDX

1. Trong quá trình đánh giá HSDX, đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia có thể yêu cầu NCC làm rõ nội dung của HSDX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường) và bổ sung tài liệu trong trường hợp HSDX thiếu tài liệu theo yêu cầu của HSYC với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp.
2. Việc làm rõ HSDX được thực hiện giữa đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia và NCC có HSDX cần phải làm rõ dưới hình thức trao đổi trực tiếp (đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia mời NCC đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia gửi văn bản/email yêu cầu làm rõ và NCC phải trả lời bằng văn bản/email). Trong văn bản yêu cầu làm rõ cần quy định thời hạn làm rõ của NCC. Nội dung làm rõ HSDX thể hiện bằng văn bản được đơn vị mua sắm bảo quản như một phần của HSDX. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà đơn vị mua sắm không nhận được văn bản/email làm rõ hoặc NCC có văn bản/email làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia thì đơn vị mua sắm xem xét, xử lý theo các quy định của MB và pháp luật hiện hành.

Mục 11. Đánh giá các HSDX

Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo trình tự như sau:

1. Đánh giá pháp lý, bao gồm:

- a. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDX (kiểm tra tư cách hợp lệ của NCC theo quy định tại khoản 2 Mục 4 Phần này và mục 1 Phần C.
- b. Đánh giá tính đáp ứng các yêu cầu về năng lực kinh nghiệm theo yêu cầu tại Mục 2 phần C.

2. **Đánh giá về kỹ thuật:** Đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia đánh giá theo các yêu cầu về kỹ thuật nêu trong HSYC đối với các HSDX được nộp đúng quy định. Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí quy định tại Mục 4 Phần C. HSDX vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu bắt buộc đều được đánh giá là “Đạt” và/hoặc đáp ứng số điểm yêu cầu.

Khi cần thiết, Đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia có thể yêu cầu NCC làm rõ một số yêu cầu, tính năng đáp ứng của hàng hóa, dịch vụ.

3. Đánh giá về thương mại:

- a. Đơn vị mua sắm tiến hành việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).
- b. Đơn vị mua sắm xác định giá đưa về cùng mặt bằng của các HSDX và so sánh giá trên cùng mặt bằng của các HSDX. HSDX đáp ứng yêu cầu về pháp lý, kỹ thuật thì tiêu chí giá sẽ đánh giá cùng các tiêu chí kỹ thuật để xếp hạng hồ sơ. Các hồ sơ không đáp ứng yêu cầu về

pháp lý/kỹ thuật chỉ được dùng giá để tham khảo, không được dùng để xếp hạng hồ sơ (ngoại trừ các trường hợp được cấp thẩm quyền đồng ý).

Mục 12. Điều kiện đối với NCC được đề nghị ký hợp đồng

NCC được đề nghị ký hợp đồng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- HSDX đáp ứng yêu cầu của MB;
- Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là NCC chính và không vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định MB và của pháp luật;
- Căn cứ vào kết quả đàm phán, NCC có phương án chào sau đàm phán đáp ứng tối ưu yêu cầu MB sẽ được đề nghị ký hợp đồng.

Mục 13. Thông báo kết quả chào hàng

Đơn vị mua sắm thông báo kết quả lựa chọn NCC bằng văn bản cho tất cả các NCC tham gia nộp HSDX sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Mục 14. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Đơn vị mua sắm tiến hành hoàn thiện hợp đồng với NCC được lựa chọn để ký kết hợp đồng.

Mục 15. Xử lý vi phạm

Trường hợp NCC có các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm cam kết trong hợp đồng, thông đồng, gian dối trong việc cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ và các thông tin khác làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên mua thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo quy định tại hợp đồng và các thỏa thuận khác.

C. YÊU CẦU VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

1. Yêu cầu và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

TT	Nội dung	Yêu cầu (mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng)
1	Số lượng HSDX phải nộp	01 bản gốc, 01 bản chụp và 01 bản copy bằng USB. Trong đó: - USB lưu toàn bộ HSDX bao gồm định dạng file Word/ Bảng giá Excel và bản scan file .pdf - Tổ chức thư mục trong USB tối đa phân 02 cấp thư mục (Thư mục Cha - tên gói mua sắm)/ Thư mục Con / file dữ liệu thực tế Word/Excel/.pdf...) - Tổ chức phân tài liệu theo yêu cầu của MB với danh mục ứng với các yêu cầu của HSYC như năng lực tài chính, năng lực kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật, cam kết và các phụ lục phản hồi về nguồn lực / đào tạo v.v...
2	Tính hợp lệ của đơn đề xuất	Được người đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu
3	Hiệu lực HSDX đáp ứng yêu cầu	Thời gian có hiệu lực của HSDX là 120 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX.
4	Có giấy phép ĐKKD	Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước Việt Nam cấp; ngành nghề phù hợp với lĩnh vực tham gia chào giá (bản công chứng chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền)

NCC có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

2. Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Sử dụng tiêu chí Đạt/ Không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	NCC độc lập	NCC liên danh		
				Tổng các TVLD	Từng TVLD	
1	Năng lực pháp lý, bảo mật thông tin	Tuân thủ tiêu chuẩn an ninh mạng và yêu cầu về sử dụng dịch vụ CNTT của bên thứ ba theo thông tư 09/2020/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi/bổ sung/thay thế (nếu có); Quy chế an toàn thông tin và vận hành hệ thống CNTT	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết của NCC
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDX.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết của NCC

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	NCC độc lập	NCC liên danh		
				Tổng các TVLD	Từng TVLD	
3	Năng lực tài chính					
	Kết quả hoạt động tài chính	Giá trị tài sản ròng của NCC trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDX phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Biểu mẫu số 7 – Phần D
	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDX của NCC có giá trị tối thiểu là 1,98 tỷ VND. Trường hợp NCC có số năm thành lập ít hơn 03 năm thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà NCC thành lập.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự	NCC đang thực hiện hoặc đã hoàn thành tối thiểu 02 hợp đồng tương tự với tư cách là NCC chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) trong thời gian từ năm 2023 trở lại đây, trong đó có tối thiểu 01 hợp đồng có giá trị ≥ 0,92 tỷ VND và tổng giá trị các hợp đồng ≥ 1,85 tỷ VND (Tài liệu chứng minh: Bản sao hợp đồng và/hoặc biên bản nghiệm thu/thanh lý và/hoặc hóa đơn bán hàng/hóa đơn điện tử và/hoặc tài liệu hợp lệ khác chứng minh NCC đã thực hiện việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ tương tự. Trường hợp tài liệu thuộc phạm vi bảo mật, NCC được phép che các thông tin bảo mật, nhưng phải bảo đảm cung cấp đủ thông tin cần thiết để Bên A đánh giá tính tương tự và quy mô kinh nghiệm).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đàm nhận)	Biểu mẫu số 06 – Phần D

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	NCC độc lập	NCC liên danh		
				Tổng các TVLD	Từng TVLD	
		Hợp đồng tương tự là hợp đồng cung cấp bản quyền phần mềm/nền tảng phục vụ thiết kế giao diện, thiết kế sản phẩm số, cộng tác thiết kế và/hoặc hỗ trợ quá trình phát triển sản phẩm số.				

3. Các yêu cầu khác

TT	Nội dung	Mô tả chi tiết	Yêu cầu
1	Tiến độ thanh toán	- Theo quy định tại Mục E - HSYC	O

4. Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc đánh giá về mặt kỹ thuật đối với từng hồ sơ đề xuất được thực hiện theo tiêu chí đánh giá chấm điểm.

STT	Yêu cầu	Tiêu chí	M/O/E	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa
Tổng điểm				700	1000
I	YÊU CẦU VỀ BẢN QUYỀN			70	100
1	Yêu cầu về bản quyền phần mềm	- Nhà cung cấp cần cung cấp tài liệu xác nhận đặt hàng thành công từ hãng và Giấy chứng nhận bản quyền từ hãng, trong đó phải thể hiện rõ thông tin sản phẩm, ngày bắt đầu và ngày kết thúc hiệu lực của sản phẩm đủ tối thiểu 12 tháng - NCC nêu rõ hình thức của Giấy chứng nhận bản giao. Ngoài ra, thông tin chung của sản phẩm phải được hiển thị đầy đủ trên hệ thống của MBBank (trong trường hợp không đáp ứng toàn bộ, NCC cần ghi rõ lý do đi kèm). - Tên sản phẩm chào hàng phải đúng với tên sản phẩm mà hãng công bố và trên đơn đặt hàng với hãng.	M	35	50
2	Yêu cầu về dịch vụ hỗ trợ của hãng	Dịch vụ bảo hành/ hỗ trợ kỹ thuật theo chính sách của hãng trong thời hạn tối thiểu 12 tháng tương đương thời gian sử	M	35	50

STT	Yêu cầu	Tiêu chí	M/O/E	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa
		dùng bản quyền phần mềm. Nêu rõ chính sách hỗ trợ của hãng.			
II	Chức năng sản phẩm/dịch vụ			350	500
1	Phần mềm Figma Enterprise Full seat			192.5	275
1.1	Phần mềm có khả năng chỉnh sửa file thiết kế trực tiếp trên nền tảng		M	17.5	25
1.2	Phần mềm có khả năng tạo bản mẫu tương tác mô phỏng luồng sử dụng		M	17.5	25
1.3	Phần mềm có khả năng cung cấp chế độ xem/kiểm tra thông số thiết kế dành cho lập trình viên		E	21	30
1.4	Phần mềm có khả năng xây dựng và chia sẻ hệ thống thiết kế, thư viện thành phần, styles và variables dùng chung giữa các nhóm.		E	21	30
1.5	Phần mềm có khả năng cung cấp lịch sử phiên bản của file thiết kế, cho phép người dùng xem các phiên bản trước của file.		E	21	30
1.6	Phần mềm có khả năng cung cấp công cụ bảng trắng cộng tác trực tuyến		E	21	30
1.7	Phần mềm có khả năng cho phép bình luận, trao đổi, đánh giá trực tiếp trên file thiết kế		E	21	30
1.8	Phần mềm có khả năng hiển thị và theo dõi trạng thái thiết kế dành cho quá trình phát triển		O	17.5	25
1.9	Phần mềm có khả năng hỗ trợ số lượng mode không giới hạn thông qua Extended Collections, phục vụ việc đa dạng hóa giao diện theo thương hiệu hoặc sản phẩm		O	17.5	25
1.10	Phần mềm có khả năng hỗ trợ xây dựng và quản lý hệ thống thiết kế cho nhiều thương hiệu/sản phẩm khác nhau trong cùng một tổ chức		O	17.5	25
2	Phần mềm Figma Enterprise Dev seat			157.5	225
2.1	Phần mềm có khả năng cung cấp chế độ xem thông số thiết kế dành riêng cho lập trình viên, không cho phép chỉnh sửa file gốc		M	17.5	25
2.2	Phần mềm có khả năng kiểm tra chi tiết thông số kỹ thuật của thiết kế		M	17.5	25
2.3	Phần mềm có khả năng xuất đoạn mã từ thành phần thiết kế		E	17.5	25
2.4	Phần mềm có khả năng xuất tài nguyên đồ họa từ file thiết kế		E	17.5	25
2.5	Phần mềm có khả năng quản lý và xuất biến thiết kế — màu sắc, khoảng cách, kiểu chữ		E	17.5	25
2.6	Phần mềm có khả năng tích hợp với AI agent thông qua Figma MCP Server, cung cấp ngữ cảnh thiết kế có cấu trúc để hỗ trợ sinh mã hoặc đặc tả từ thiết kế.		O	17.5	25
2.7	Phần mềm có khả năng cung cấp công cụ bảng trắng cộng tác trực tuyến		O	17.5	25

STT	Yêu cầu	Tiêu chí	M/O/E	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa
2.8	Phần mềm có khả năng cho phép bình luận, trao đổi, đánh giá trực tiếp trên file thiết kế		E	17.5	25
2.9	Phần mềm có khả năng hiển thị trạng thái và thông tin cập nhật của thiết kế trong Dev Mode, phục vụ quá trình phát triển.		O	17.5	25
III	YÊU CẦU VỀ NHÂN SỰ NCC			105	150
1	Chất lượng nhân sự hỗ trợ	Cung cấp danh sách tối thiểu 01 nhân sự tham gia hỗ trợ từ NCC. (Cung cấp CV, Bằng đại học, Hợp đồng lao động, chứng chỉ (nếu có) để chứng minh)	M	35	50
		Nhân sự tham gia hỗ trợ cần có kinh nghiệm hỗ trợ sản phẩm/dịch vụ liên quan phần mềm CNTT/sản phẩm hỗ trợ thiết kế	M	35	50
		Cung cấp đầy đủ thông tin mô tả về nhân sự tại các mức hỗ trợ cao hơn (L1, L2, L3 ...)	M	35	50
IV	YÊU CẦU VỀ HỖ TRỢ CỦA NCC			175	250
1	Thông tin liên lạc	Cung cấp tối thiểu 02 số điện thoại nhận thông tin	M	70	100
2	Mức độ hỗ trợ	- Khi MB có lỗi cần hỗ trợ:	M	105	150
		- Phản hồi cho MB bằng điện thoại sớm nhất có thể nhưng không quá 30 phút.			
		- Chuyển tiếp yêu cầu đến mức hỗ trợ thứ 2 nếu trong vòng 60 phút vấn đề vẫn chưa được giải quyết xong.			
		- Chuyển tiếp yêu cầu đến mức hỗ trợ thứ 3 nếu trong vòng 90 phút vấn đề vẫn chưa được giải quyết xong.			
		- Hỗ trợ onsite cho đến khi giải quyết xong nếu sau 120 phút mà vấn đề chưa được giải quyết xong			

Ghi chú:

M: Mandatory - Tiêu chí trọng yếu bắt buộc phải đáp ứng, nếu không đáp ứng có thể bị loại.

E: Essential - Tiêu chí quan trọng bắt buộc phải đáp ứng mức tối thiểu nếu không có thể bị loại; NCC đáp ứng từ mức tối thiểu trở lên sẽ được chấm điểm, càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu tối thiểu càng được nhiều điểm.

O: Optional - Tiêu chí nâng cao, không bắt buộc, NCC không đáp ứng không bị loại nhưng càng đáp ứng tốt yêu cầu càng được cộng điểm.

NCC phải mô tả rõ (có trích dẫn tài liệu nếu cần) để chứng minh khả năng đáp ứng của giải pháp theo mẫu bên dưới. Trong trường hợp NCC không cung cấp đủ thông tin thì coi như giải pháp không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

- Trường hợp cần làm rõ, MB sẽ yêu cầu làm rõ hoặc mời NCC đến thuyết minh giải pháp.
- HSĐX được đánh giá là đạt yêu cầu kỹ thuật khi các yêu cầu được đánh giá là Đạt.
- Các NCC được đánh giá đạt yêu cầu kỹ thuật sẽ được đánh giá bước tiếp theo.
- Biểu mẫu Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật: Mẫu số 05 – Phần D

5. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt tài chính:

Phương pháp đánh giá về giá:

5.1 Xác định giá chào

Giá chào được xác định như sau:

$$G_{\text{chào giá}} = G1 + G2$$

Trong đó:

- G1: Giá chào hạng mục “Chi phí hàng hóa và dịch vụ triển khai hệ thống” sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giảm giá nếu có
- G2: Giá chào hạng mục “Chi phí bảo trì sau hết thời hạn bảo hành” sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giảm giá (nếu có), được xác định như sau:

$$G2 = \sum_{i=n}^2 \frac{BT_i}{(1+r)^i}$$

+ BT_i : Chi phí bảo trì năm thứ i

+ $r = 6\%$

+ n : Thời gian bắt đầu tính bảo trì

- Trường hợp NCC không chào chi phí bảo trì cho các năm sau bảo hành sẽ được hiểu là NCC miễn phí chi phí bảo trì.

5.2 Quy đổi giá chào sang điểm đánh giá

Đối với nhà cung cấp đạt về mặt kỹ thuật, sẽ được đánh giá tiếp về mặt tài chính.

Sử dụng thang điểm 1000 thống nhất với thang điểm về mặt kỹ thuật. Điểm giá được xác định trên cơ sở giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có). Cụ thể như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = [\text{G}_{\text{thấp nhất}} \times 1.000] / \text{G}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

- Điểm giá_{đang xét}: Là điểm giá của HSĐX đang xét;
- $G_{\text{thấp nhất}}$: giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) cộng với giá bảo trì của HSĐX thấp nhất;
- $G_{\text{đang xét}}$: giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) cộng với giá bảo trì của HSĐX đang xét.

6. Điểm tổng hợp

Áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = (K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}) + \Delta_{\text{ƯĐ}}$$

Trong đó:

- Tỷ trọng điểm về kỹ thuật (K) = 60%.
- Tỷ trọng điểm về giá (G) = 40%.
- Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;
- Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;
- K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp;
- G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp;
- Δ_{UD} là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định (nếu có).

7. Xếp hạng NCC:

- NCC có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất.
- Trên cơ sở xếp hạng HSĐX của các NCC, Công ty xếp hạng thứ 1 và thứ 2 sẽ được mời tham gia đàm phán (ngoại trừ các trường hợp được cấp thẩm quyền đồng ý).

8. Xác định giá chào:

STT	Nội dung	Căn cứ xác định
1	Xác định giá chào	Đơn vị mua sắm xác định giá đánh giá của các HSĐX theo trình tự sau đây: xác định giá chào; sửa lỗi; hiệu chỉnh các sai lệch; chuyển đổi giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch sang một đồng tiền chung (nếu có); đưa các chi phí về một mặt bằng để xác định giá đánh giá. Trường hợp có thư giảm giá thì Bên mua sắm sẽ thực hiện sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Trong trường hợp đó, việc xác định giá trị tuyệt đối của lỗi số học hoặc sai lệch được tính trên cơ sở giá chào ghi trong đơn. Giá đánh giá được xác định trên cùng một mặt bằng các yếu tố về kỹ thuật, tài chính, thương mại, và các yếu tố khác để so sánh, xếp hạng HSĐX.
2	Sửa lỗi	1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSĐX bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây: a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác: - Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Trường hợp đơn giá sai mà số lượng, khối lượng và thành tiền đúng thì lấy thành tiền làm cơ sở pháp lý để xác định đơn giá; - Trường hợp không nhất quán giữa bảng giá tổng hợp và bảng giá chi tiết thì lấy bảng giá chi tiết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Lỗi số học được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá chào tăng lên hay giảm đi sau khi sửa lỗi. b) Các lỗi khác: - Cột thành tiền được điền vào mà không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho

STT	Nội dung	Căn cứ xác định
		số lượng; - Khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; - Nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì được coi là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo số lượng nêu trong HSYC. - Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam; - Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi; - Trường hợp có khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số làm cơ sở pháp lý và thực hiện sửa lỗi số học (nếu có) theo quy định tại điểm a khoản này; - Trường hợp có khác biệt giữa giá ghi trong đơn chào (không kể giảm giá) và giá trong biểu giá tổng hợp thì căn cứ vào giá ghi trong biểu giá tổng hợp sau khi được hiệu chỉnh và sửa lỗi theo biểu giá chi tiết. 2. Sau khi sửa lỗi theo nguyên tắc trên, Bên mua sắm sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà cung cấp. Nhà cung cấp phải có văn bản thông báo cho Bên mua sắm về việc chấp nhận sửa lỗi nêu trên. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc sửa lỗi thì HSDX của nhà cung cấp đó sẽ bị loại.
3	Hiệu chỉnh các sai lệch	1. Hiệu chỉnh các sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa trong HSDX so với yêu cầu của HSYC. Việc hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện như sau: Trường hợp có những sai lệch về phạm vi cung cấp thì phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, phần chào thừa sẽ được trừ đi.
4	Chuyển đổi giá chào sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giảm giá (nếu có) sang một đồng tiền chung (nếu có)	Trường hợp cho phép các nhà cung cấp chào giá bằng nhiều đồng tiền khác nhau theo quy định tại Mục 12 Chương này, để có cơ sở cho việc đánh giá và so sánh các HSDX, Bên mua sắm quy đổi giá chào về cùng một đồng tiền căn cứ vào tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng tiền nước ngoài.

D. BIỂU MẪU

Mẫu số 1 – Đơn đề xuất

ĐƠN ĐỀ XUẤT

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên đơn vị mua sắm*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ [*Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên NCC*], cam kết thực hiện gói mua sắm ____ [*Ghi tên gói mua sắm*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ*] cùng với biểu giá kèm theo.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [*Ghi số ngày*], kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất*].

Đại diện hợp pháp của NCC⁽¹⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của NCC ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, NCC được lựa chọn là nhà cung cấp phải trình Bên mua bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của NCC*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên NCC*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của NCC*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào hàng theo gói mua sắm ____ [*Ghi tên gói mua sắm*] do ____ [*Ghi tên đơn vị mua sắm*] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với đơn vị mua sắm trong quá trình tham gia chào hàng, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên NCC*]. ____ [*Ghi tên NCC*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
NCC, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho đơn vị mua sắm cùng với đơn đề xuất. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của NCC cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của NCC để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của NCC thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của NCC hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _ tháng _ năm _____

Gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm]

Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói mua sắm _____ [Ghi tên gói mua sắm] ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên HSYC] do phát hành;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia thực hiện gói mua sắm _____ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói mua sắm này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia thực hiện gói mua sắm này. Trường hợp được lựa chọn ký hợp đồng, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác _____ [nêu rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói mua sắm _____ [Ghi

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói mua sắm, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

tên gói mua sắm] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽¹⁾:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với đơn vị mua sắm trong quá trình tham gia đề xuất, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây: ____ [ghi cụ thể phần công việc, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].

TT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá chào hàng
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ghi cụ thể phần công việc, trách nhiệm của từng thành viên	%
2	Tên thành viên thứ 2	- ghi cụ thể phần công việc, trách nhiệm của từng thành viên	%
	Tổng cộng	Toàn bộ công việc của gói mua sắm	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- NCC liên danh không được chọn là NCC ký hợp đồng;
- Chủ đầu tư hủy gói mua sắm ____ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án] theo thông báo của đơn vị mua sắm.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa

⁽¹⁾ Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Giá chào đối với hàng hóa	
2	Giá chào đối với dịch vụ	
Tổng cộng giá chào		
<i>Bằng chữ:</i>		

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO ĐÓI VỚI HÀNG HÓA

STT	Danh mục hàng hóa/ Cấu hình, tính năng cơ bản	Hãng sản xuất/ Ký mã hiệu/ Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT	Thành tiền chưa bao gồm VAT	Thuế VAT
Tổng							
Thuế VAT							
Tổng giá chào đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: NCC phải chào giá chi tiết từng cấu phần lớn và làm rõ các thông tin cho sản phẩm chào như sau:

TT	Nội dung	Mô tả yêu cầu
1	Dải sản phẩm (Product Range)	- Cung cấp dải sản phẩm của hãng sản xuất. - Sản phẩm đang chào thuộc phân khúc nào (ví dụ: Standard/Advanced/Enterprise..., hoặc tùy theo chính sách của từng hãng).
2	Dòng đời sản phẩm (Product Lifecycle)	Cung cấp thông tin về dòng đời của sản phẩm: - Năm sản phẩm được chính thức launching trên thị trường. - Năm sản xuất của sản phẩm đang chào. - Thời gian End of sale dự kiến. - Thời gian End of support dự kiến.

BẢNG GIÁ CHÀO ĐÓI VỚI DỊCH VỤ

STT	Mô tả dịch vụ	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT	Thành tiền chưa bao gồm VAT	Thuế VAT
Tổng							
Thuế VAT							
Tổng giá chào đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TUYÊN BỐ ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT

STT	Yêu cầu	Tuyên bố đáp ứng (Đáp ứng vượt trội/ Đáp ứng/ Đáp ứng một phần/ Không đáp ứng)	Chỉ dẫn tham chiếu (chỉ rõ tên tài liệu, mục, số, trang)	Diễn giải chi tiết

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NCC THỰC HIỆN⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên NCC: ____ [ghi tên đầy đủ của NCC]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương ____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc NCC phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà NCC đảm nhiệm	[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
E-mail:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự của hợp đồng			
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]		
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

NCC phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

- (1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.
- (2) NCC chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NCC ⁽¹⁾

Tên NCC: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của NCC liên danh (nếu có): _____

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất ⁽²⁾ [VND]		
Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh⁽³⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính cho ba năm gần nhất⁽⁴⁾, như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của NCC hoặc thành viên liên danh (nếu là NCC liên danh).
2. Các báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
4. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành và được kiểm toán.

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

NCC phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu của HSYC và có thể sẵn sàng huy động cho gói mua sắm; không được kê khai những nhân sự đã huy động cho gói mua sắm khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói mua sắm này. Trường hợp kê khai không trung thực thì NCC sẽ bị đánh giá là gian lận.

1	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói mua sắm]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói mua sắm]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
3	Vị trí công việc
	Tên
4	Vị trí công việc
	Tên
5	Vị trí công việc
	Tên
....	Vị trí công việc
	Tên

Đại diện hợp pháp của NCC
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



E. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHÍNH TRONG HỢP ĐỒNG

I. GIÁ TRỊ, HÌNH THỨC THANH TOÁN

Phương thức thanh toán: chuyển khoản (phí chuyển khoản thuộc trách nhiệm Bên A).

Thanh toán 100% tổng giá trị Hợp đồng trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận đủ bộ hồ sơ yêu cầu thanh toán hợp lệ bao gồm:

- Thư đề nghị thanh toán của Bên B.
- Biên bản bàn giao, nghiệm thu bản quyền phần mềm (có ký, đóng dấu của người đại diện có thẩm quyền của hai bên).
- Giấy chứng nhận bản quyền phần mềm chính hãng.
- Hóa đơn tài chính hợp lệ.
- Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng

